TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, nơi cư trú: Xóm 10, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị B, nơi ĐKHKTT: Xóm 10, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Hàn Quốc. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – anh Lê Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị B trên cơ sở tự nguyện của hai bên, tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2003. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc từ đó cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do năm 2012, chị B đi sang lao động ở Hàn Quốc, vợ chồng lúc đầu còn liên lạc với nhau, nhưng sau đó chị B không muốn về Việt Nam sinh sống. Mặc dù anh đã động viên chị B về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị B không đồng ý. Từ đó, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Anh chỉ biết chị B đi sinh sống, lao động ở Hàn Quốc còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh không rõ. Tuy nhiên, chị B vẫn liên lạc với bố mẹ chị là: Ông Hoàng Công Ngọc và bà Phạm Thị Nghê. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị B để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Việt Quang, sinh ngày 19/4/2005, hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Quang, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xin tự giải quyết với chị B về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - chị Hoàng Thị B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho bố mẹ chị B là ông Hoàng Công Ngọc và bà Phạm Thị Nghê. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Hoàng Công Ngọc và bà Phạm Thị Nghê cung cấp địa chỉ của chị B ở Hàn Quốc và yêu cầu ông Ngọc và bà Nghê cho biết kết quả về việc ông bà đã thông báo cho chị B để gửi lời khai về Tòa án chưa. Lời khai của ông Hoàng Công Ngọc thể hiện: Chị B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể chị B ở Hàn Quốc. Ông đã thông báo cho chị B về yêu cầu của Tòa án. Chị B thông tin lại cho gia đình: Việc anh T ly hôn là của anh T, chị B không có ý kiến gì. Chị B không có ý kiến gì về tài sản chung, anh T nuôi con thì phải giữ tài sản sau này cho con, không cho ai khác, sau này chị B về sẽ giải quyết cùng anh T.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B đều vắng mặt và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của anh T thể hiện anh vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn T. Về con chung: Giao con chung là Lê Việt Quang, sinh ngày 19/4/2005 cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T xin tự giải quyết với chị B nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh T xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Hoàng Thị B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng. Tại Công văn số 3358/QLXNC-P5 ngày 22/02/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác nhận: Chị Hoàng Thị B đã xuất, nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh lần gần nhất ngày 16/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy hiện nay chị B đang sinh sống ở nước ngoài, nguyên đơn anh Lê Văn T hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B đều vắng mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị B: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2003, theo Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do sự xa cách về địa lý, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, kinh tế, thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị B.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B có một con chung là: Lê Việt Quang, sinh ngày 19/4/2005. Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung có nguyện vọng được ở với anh T, mặt khác chị B hiện nay đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể nên cần giao con chung Lê Việt Quang cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T xin tự giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung với chị Hoàng Thị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh T xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Việt Quang, sinh ngày 19/4/2005 cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn T xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn T xin tự giải quyết với chị Hoàng Thị B, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000158 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh Lê Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Hoàng Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến